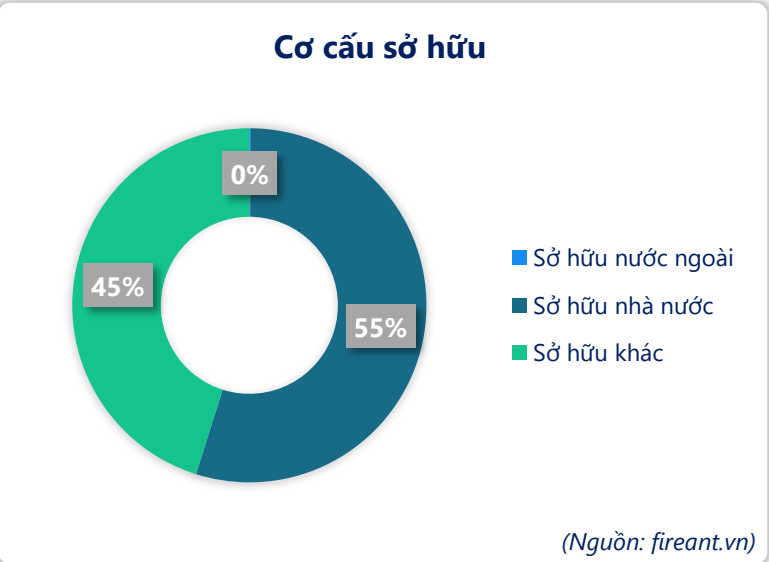
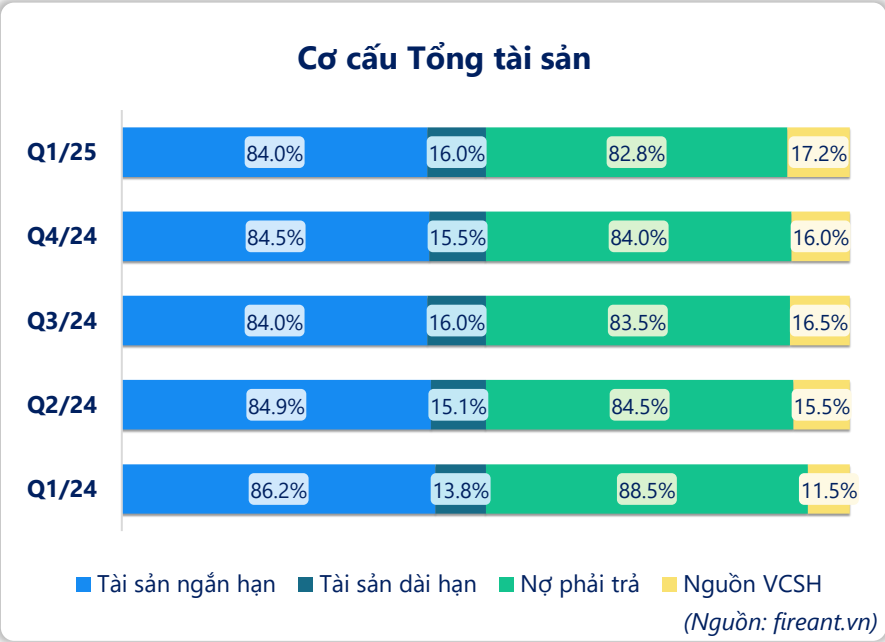
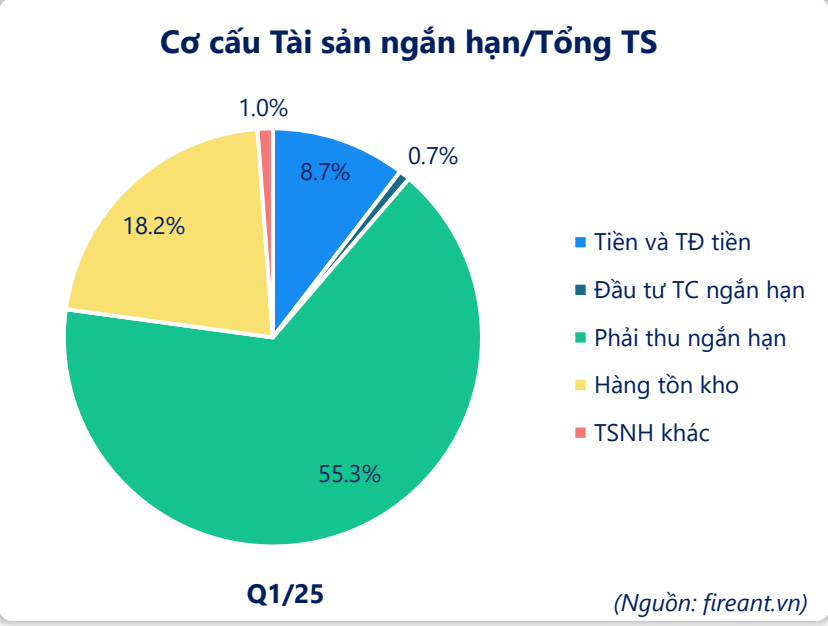
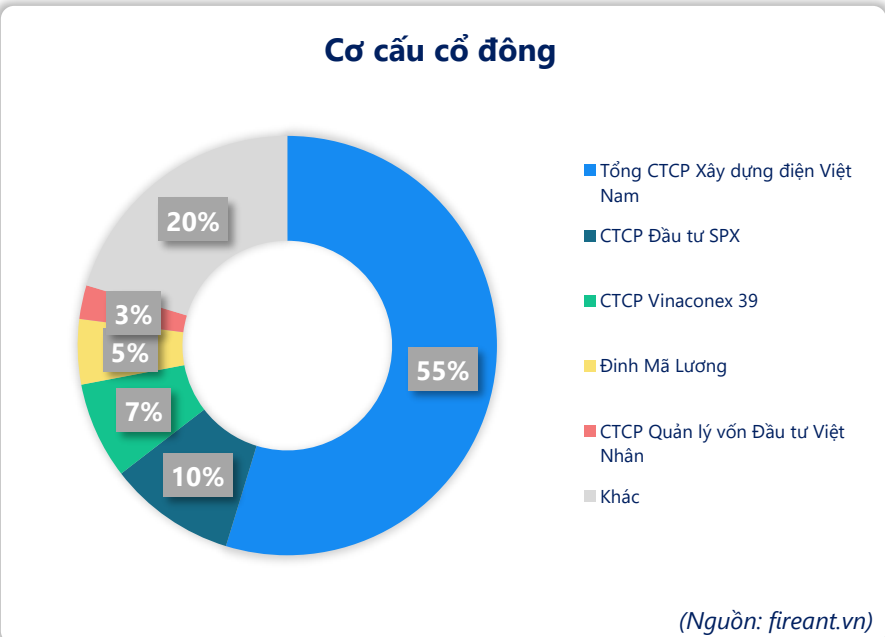
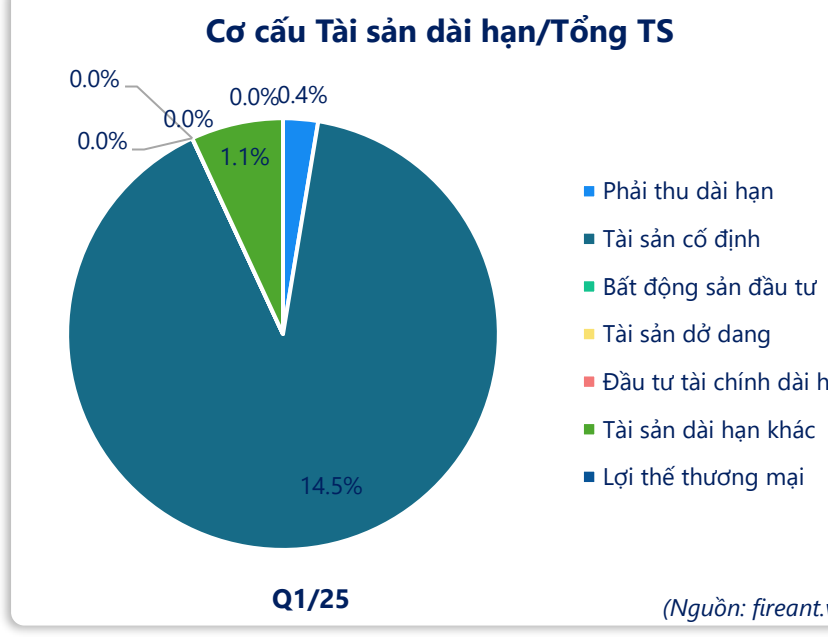
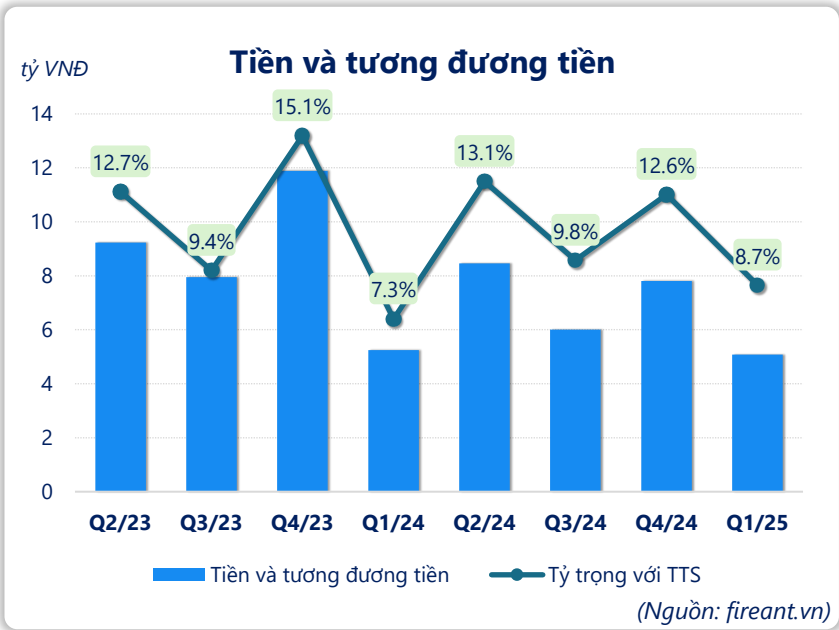
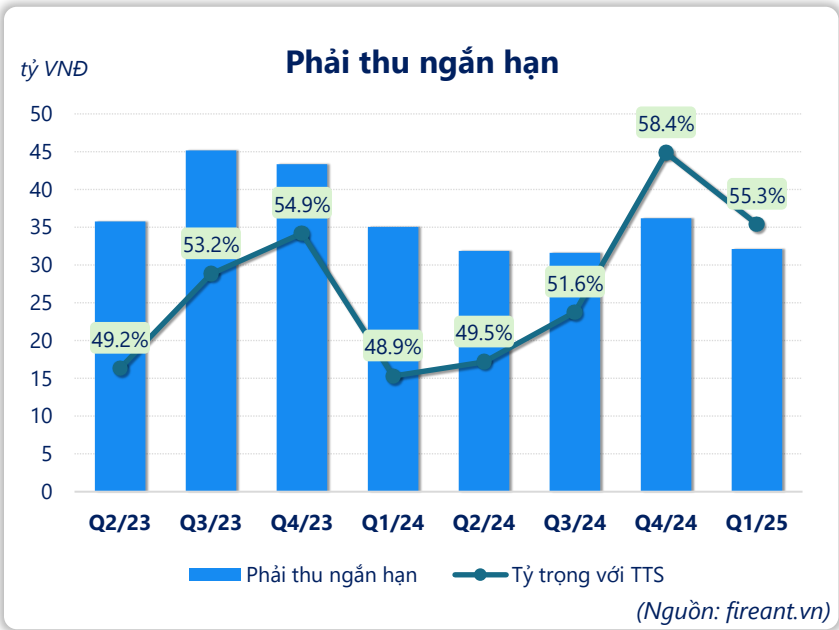
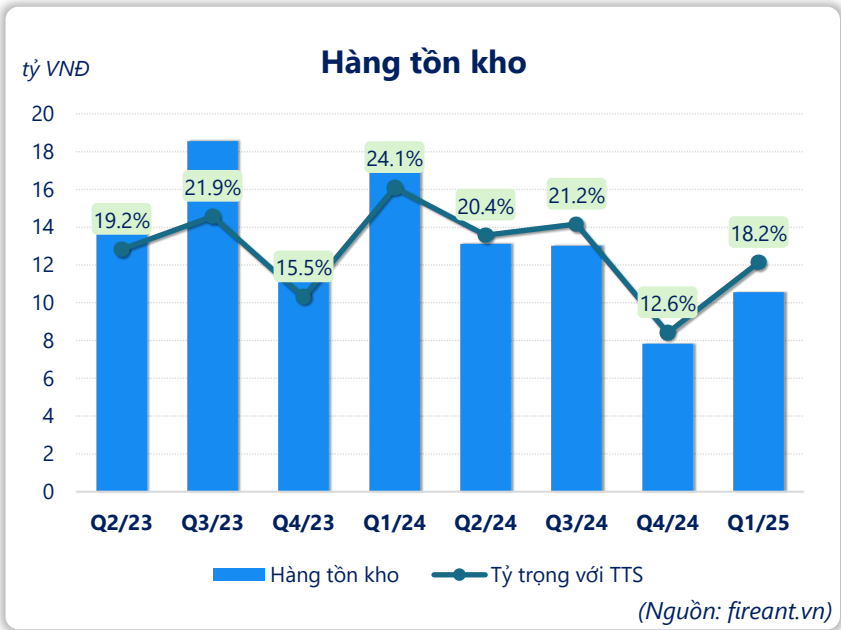
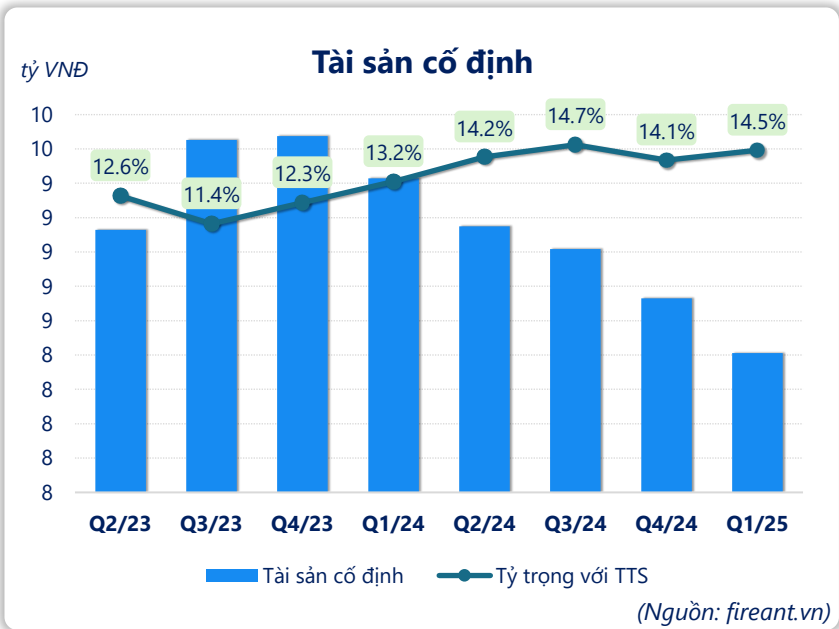
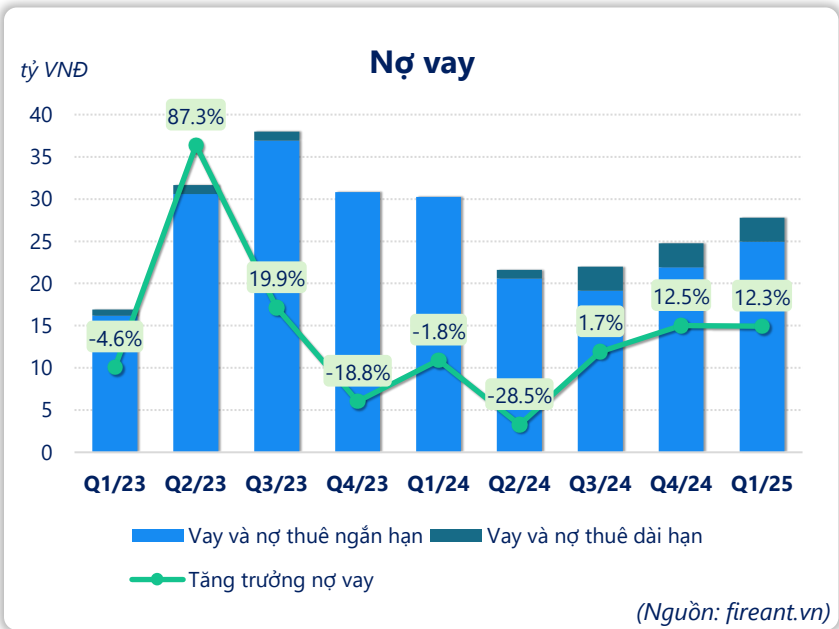
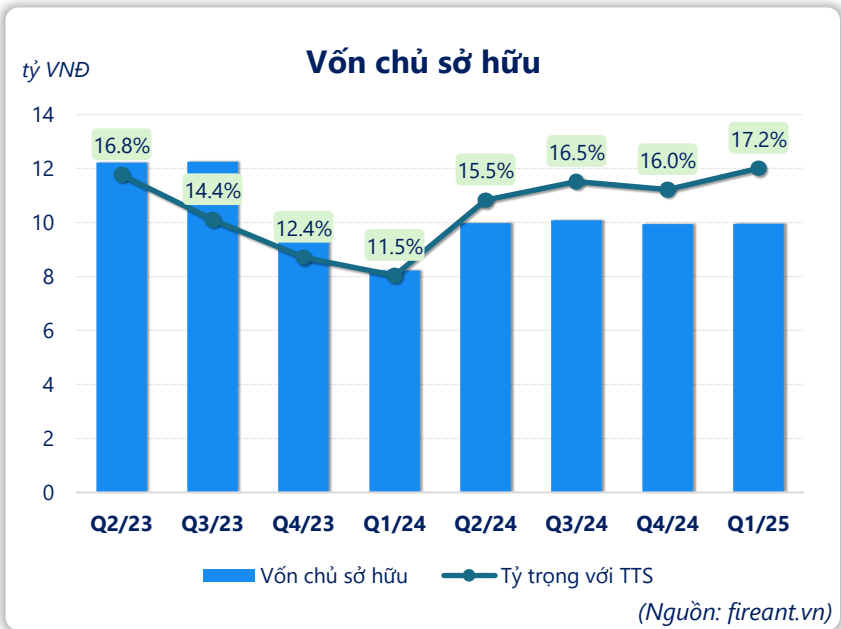
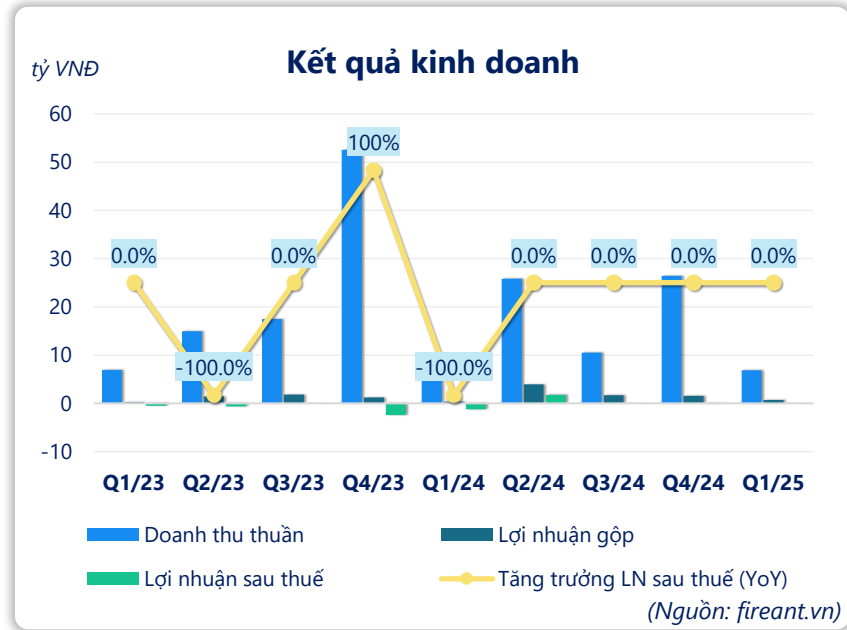
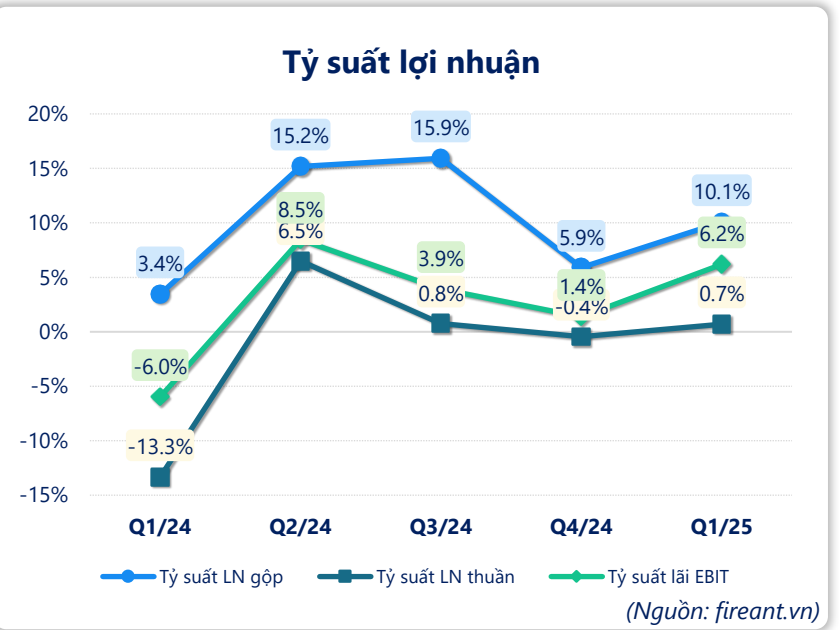
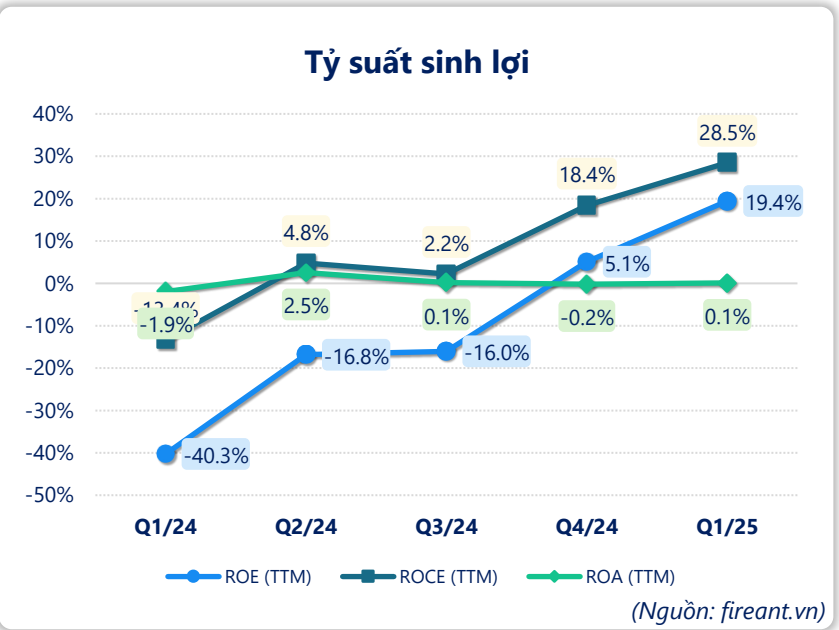
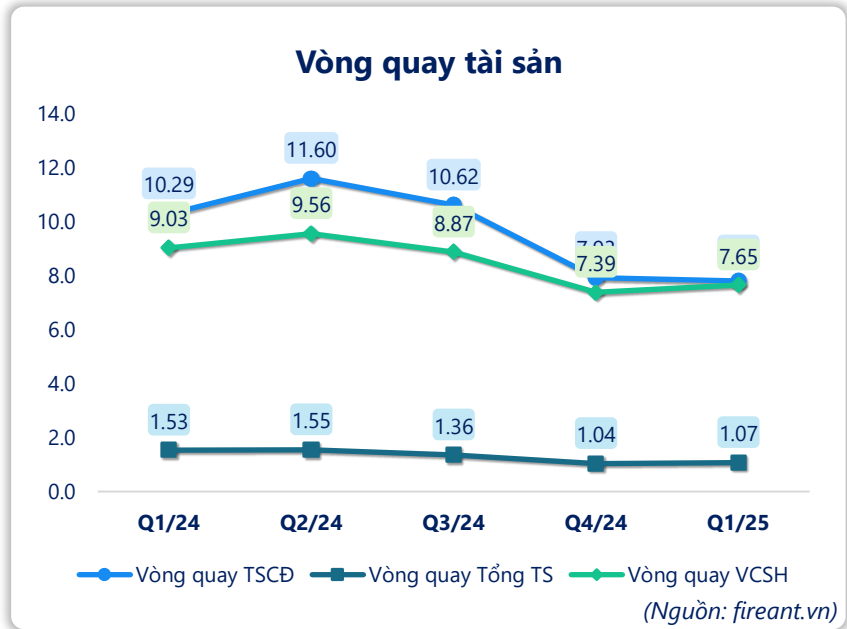
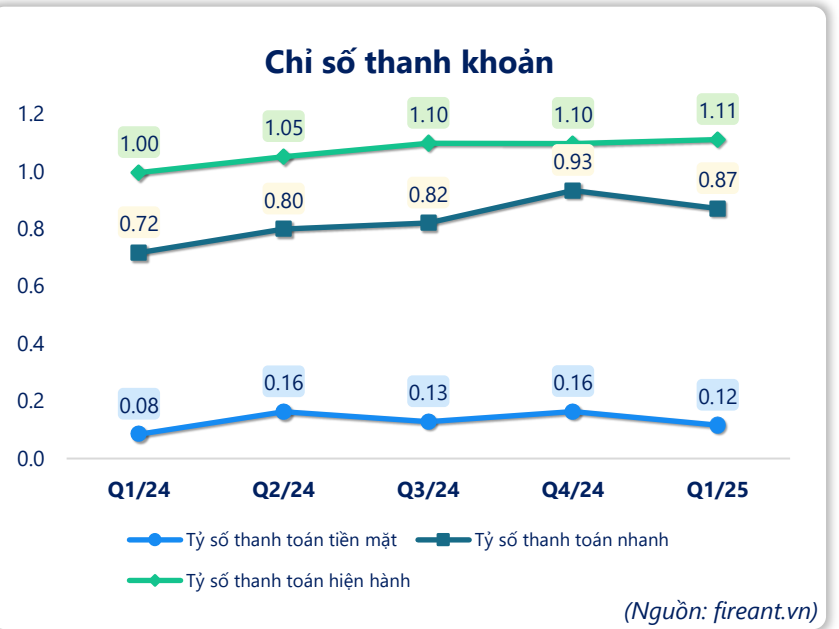
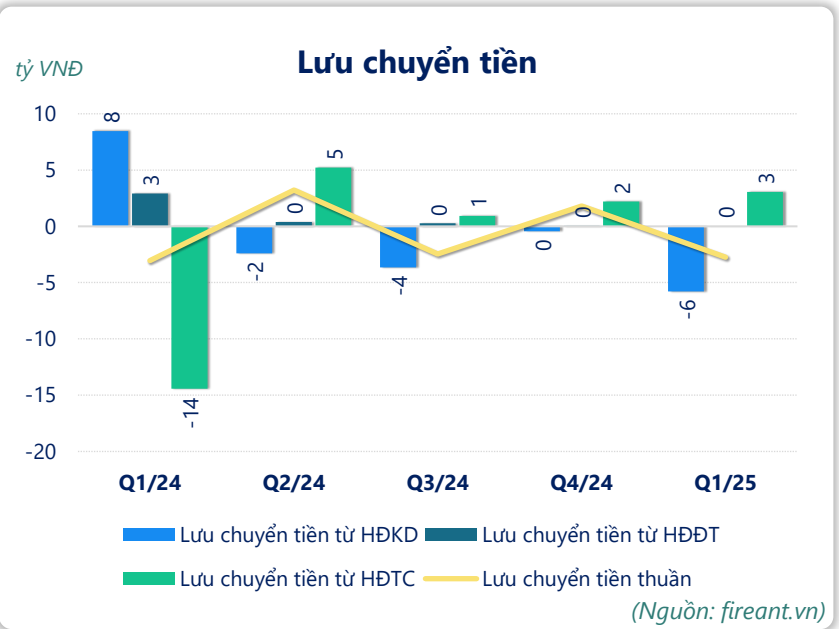


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		259,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		259,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		259,400
SL cổ phiếu LH		1,028,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		267
P/E		150.8
EPS		1,720

	YTD	1T	3T	6T
VE4	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	58.1	61.8	-6.0%
Tài sản ngắn hạn	48.8	52.1	-6.5%
Tiền và tương đương tiền	5.08	7.81	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.42	0.51	-16.8%
Phải thu ngắn hạn	32.1	36.3	-11.4%
Hàng tồn kho	10.6	7.49	41.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.58	0.08	663%
Tài sản dài hạn	9.30	9.61	-3.3%
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	0.0%
Tài sản cố định	8.41	8.70	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.64	0.66	-3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	48.1	51.9	-7.3%
Nợ ngắn hạn	43.9	47.7	-7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.9	21.9	13.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.4	12.8	-19.0%
Nợ dài hạn	4.18	4.18	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.84	2.84	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	9.96	9.90	0.6%
Vốn chủ sở hữu	9.96	9.90	0.6%
Vốn điều lệ	10.3	10.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	10.2	25.8	10.5	26.5	6.83
Giá vốn hàng bán	9.83	21.9	8.83	24.9	6.15
Lợi nhuận gộp	0.35	3.92	1.67	1.56	0.69
Doanh thu HĐTC	0.04	0.04	0.02	0.02	0.02
Chi phí TC	0.67	0.61	0.43	0.43	0.45
Chi phí lãi vay	0.60	0.44	0.31	0.33	0.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.08	1.68	1.19	1.26	0.21
LN thuần từ HĐKD	-1.36	1.68	0.08	-0.12	0.05
Lợi nhuận khác	0.15	0.07	0.03	0.15	0.01
LN trước thuế	-1.21	1.74	0.11	0.03	0.06
Lợi nhuận sau thuế	-1.21	1.74	0.11	-0.14	0.06
LNST của CĐ cty mẹ	-1.21	1.74	0.11	-0.14	0.06

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.46	-2.40	-3.64	-0.43	-5.80
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.92	0.40	0.26	0.04	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.4	5.23	0.91	2.20	3.04
Tiền đầu kỳ	8.29	5.24	8.46	6.00	7.81
Lưu chuyển tiền thuần	-3.05	3.22	-2.46	1.81	-2.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.24	8.46	6.00	7.81	5.08

(Nguồn: fireant.vn)